TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:34/2022/HNGĐ-PT.
Ngày: 30-12-2022.
V/v:"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xétxử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Văn Hiệp

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Ông Lê Văn Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:

Bà Lê Thị Vân-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 35/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022về:"Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Do bản án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm số:292/2022/HNGĐ-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:50/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1984, có mặt
Cư trú tại: Thôn Tư C, xã Phước Th, huyện Tuy Ph, Bình Định

Bị đơn: Chị Thái Thị Thanh H, sinh năm 1987, có mặt
Cư trú tại: Thôn Kim T, xã Phước H, huyện Tuy Ph, tỉnh Bình Định

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Thế Ph, sinh năm 1992, vắng mặt
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958, có mặt
3. Ông Nguyễn Thế P, sinh năm 1950,vắng mặt
4. Bà Lê Thị C, sinh năm 1925, vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn Tư C, xã Phước Th, huyện Tuy Ph, Bình Định

5. Ông Thái Văn Ph, sinh năm 1960, có mặt
6. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1966, có mặt

Cùng trú tại: Thôn Kim T, xã Phước H, huyện Tuy Ph, Bình Định

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Ngh- sinh năm 1969, có mặt
Cư trú tại:Thôn Kim T, xã Phước H, huyện Tuy Ph, Bình Định

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Thế Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2019, tại các bản khai biên bản đối chất và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Thế Ph trình bày:

Anh và chị Thái Thị Thanh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/02/2016 tại UBND xã Phước Hòa, huyện Tuy phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, chị H không nghe lời chồng, thường xuyên bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Tháng 9/2018 anh có nộp đơn yêu cầu ly hôn nhưng được gia đình can ngăn nên anh đã rút đơn, vợ chồng hòa hợp được thời gian ngắn thì tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay yêu cầu ly hôn chị Thái Thị Thanh H.

Về quan hệ con chung: anh và chị Thái Thị Thanh H có 01 con chung tên Nguyễn Thái Ánh L, sinh ngày 10/10/2016, hiện đang ở với chị H. Ly hôn, anh tự nguyện giao con cho chị H nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, từ tháng 10-2022 cho đến khi Nguyễn Thái Ánh L đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung:

Nhà và quán cà phê tại Thôn Tư Cung xã Phước Th mà hiện nay anh đang ở là của vợ chồng, đồng ý chia, nhưng vì nhà và quán này có công sức đóng góp của gia đình, cha mẹ và bà nội anh cho tiền, nên yêu cầu được hưởng 2/3 giá trị sau khi trừ phần tường phía bắc do cha mẹ anh xây, phần sân, cổng ngõ, nhà vệ sinh phía sau do anh xây sau khi anh làm đơn yêu cầu ly hôn.

Tiền sang nhượng quáncà phê-bi da ở KomTum 130.000.000đ, vàng cưới do họ hàng hai bên cho quy ra thành tiền là 127.000.000đ, tổng cộng 257.000.000đ, hiện chị Hằng đang cất giữ, ly hôn yêu cầu chia đôi số tiền này. Tại phiên Tòa sơ thẩm anh rút yêu cầu này.

Việc chi H khai có mượn của ông ông Thái Văn Ph và bà Trịnh Thị H 350.000.000đ chuyển cho anh để đầu tư quán cà phê-bi da ở KomTum: Anh thừa nhận trong thời gian đầu tư quán cà phê-bi da ở KomTum, chị H nhiều lần chuyển tiền cho anh tổng cộng khoảng hơn 400.000.000đ để đầu tư mở quán. Tuy nhiên, số tiền chị H chuyển cho anh là từ nguồn tiền của anh tích góp được, cụ thể: sau khi cưới về 01tuần anh đưa cho chị H 80.000.000đ, 03 tuần sau anh đưa cho chị H 120.000.000đ, 03 tháng sau anh đưa tiếp 200.000.000đ, Tổng cộng 400.000.000đồng, đây là tài sản chung của vợ chồng mới đầu tư mở quán. Cho nên, khi chị h chuyển tiền cho anh là tiền của vợ chồng. Anh không gọi điện hỏi mượn, không ký tên vào 02 giấy mượn tiền, nên không đồng ý trả nợ 175.000.000đồng theo yêu cầu của ông Ph và bà H.

Tại các bản khai, biên bản đối chất, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay Bị đơn chị Thái Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thế Ph tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Quá trình sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh Ph trình bày là đúng, cha mẹ hai bên hòa giải khuyên can nhưng anh Ph vẫn không thay đổi cách suy nghĩ, anh Ph luôn bảo thủ, chỉ biết chăm lo cho cha mẹ và anh em phía gia đình nhà mình, không có trách nhiệm chăm lo cho vợ con, không quan tâm đến hạnh phúc của vợ chồng cùng con cái, nhiều lần chị và anh Ph đôi co qua lại thì mâu thuẫn tiếp tục phát sinh. Nay, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Ph.

Về quan hệ con chung*:* chị và anh Nguyễn Thế Ph có 01con chung tên Nguyễn Thái Ánh L, sinh ngày 10/10/2016, hiện con đang ở với chị. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì chị xin nhận nuôi con chung. Yêu cầu anh Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ để thể hiện trách nhiệm làm cha, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10-2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản chung*:* Tài sản chung vợ chồng chị tạo lập gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 và quán cà phê có giá trị khoảng 450.000.000đ, xây dựng gắn liền với nhau tọa lạc tại thôn Tư C, xã Phước Th, huyện Tuy Ph, tỉnh Bình Định. Nhà và quán cà phê hiện do anh Nguyễn Thế Ph quản lý kinh doanh và sử dụng. Về đất đang xây nhà mở quán cà phê ở thôn Tư cung, xã Phước Thắng là tài sản chung của vợ chồng, vì vào năm 2018 cha mẹ chồng có nói cho, chị tin chồng nên giao anh Ph làm thủ tục tách sổ và đăng ký quyền sử dụng đất vào năm 2019, vì anh Ph nói đã tách sổ xong rồi nên chị đồng ý xây cất nhà để ở riêng và bán cà phê từ tháng 5-2019.Nguồn tiền đầu tư và xây dựng lấy từ 130.000.000đ tiền sang quán ở KomTum,120.000.000đ tiền sang lại dàn máy internet mà anh Ph còn đang cất giữ và 180.000.000đ tiền tích lũy của chị. Vì tin vào anh Ph và phía nhà chồng nên chị mới xây dựng nhà ở, khi cho đất chỉ nói miệng không lập thủ tục cho. Tuy nhiên bà H và ông P khẳng định cho vợ chồng anh cả 01 lô ở giữa, vợ chồng chị 01 lô ở bên phải và em chồng 01 lô bên trái của thửa đất mà cha mẹ chồng đang ở và đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất. Nay chị không yêu cầu về đất mà chỉ yêu cầu chia giá trị nhà và quán cà phê.

Về nợ chung vợ chồng: Vợ chồng có mượn cha mẹ chị là Thái Văn Ph và bà Trịnh Thị H, tổng cộng 02 lần mượn tiền là 350.000.000đ để mở quán cà phê - bi da tại KonTum, mượn lần thứ nhất vào ngày 26/06/2017 mượn 200.000.000đ lần thứ hai ngày 10/01/2018 với số tiền là: 150.000.000đ, hiện nay chưa trả. Số tiền này do chị đứng ra mượn và ký giấy mượn tiền của cha mẹ chị, vì lúc này chồng chị anh Ph đang ở trên KomTum gọi về bảo với chị vay mượn tiền của ba mẹ chị chứ anh Ph không có ở nhà nên không ký vào giấy mượn tiền. Sau khi mượn tiền của cha mẹ và gom góp tiền vợ chồng dành dụm, tiền vàng cưới có được lần lượt chuyển tiền vào tài khoản cho anh Ph để anh Ph trang trải quán cà phê – bi da tại KomTum; cụ thể: ngày 26-7-2017 chuyển 108.300.000đ, ngày 29-10-2017 chuyển 88.000.000đ, ngày 15-01-2018 chuyển 110.000.000đ, ngày 22-02-2019 chuyển 79.239.000đ, ngày 09-02-2018 chuyển trả tiền hàng 40.000.000đ. Tổng cộng là 425.539.000đ. Nay ly hôn thì chị yêu cầu Tòa án buộc anh Ph phải có trách nhiệm với trả ½ khoản nợ cho ba mẹ chị. Ngoài ra,trong thời gian mở quán tại KomTum gia đình anh Ph bảo vợ chồng chị phải trả cho người em trai anh Ph là Nguyễn Thế

P với số tiền là 90.000.000 đồng, tiền công 03 năm trông coi 04 bàn bida tại thôn Tư Cung, xã Phước Thắng. Từ lúc cưới đến nay anh Nguyễn Thế Ph chưa bao giờ làm đưa tiền cho chị để trang trải cuộc sống và lo cho con dù chỉ một ngàn. Ngày 10/7/2018 chị đưa cho mẹ chồng chị 70.000.000đ để mẹ đưa lại cho em P; ngày 13-7-2018 anh Phước tiếp tục đưa cho em P thêm 20.000.000đ tại quán ở KomTum, đến chiều cùng ngày lúc 17h03phút anh Ph gọi điện về cho em gái mình là Nguyễn Thị Mỹ Th nói rằng " Anh đưa cho thằng Năm 20.000.000đ và dặn em gái đừng nói cho chị biết số tiền trên, nếu như chị có hỏi thì bảo thằng Năm nó chỉ lấy 70.000.000đ thôi" , nội dụng này chị có trích xuất từ Camera trong nhà nên biết được. Trong thời gian chị sống chung cùng nhà của ba mẹ chồng, hàng tháng chị phải đưa mẹ chồng 2.000.000đ để đóng góp tiền ăn, còn đồ dùng sinh hoạt hàng ngày thì chị phải tự trang trải. Trước đây chị có yêu cầu giám định giọng nói của anh Ph trong đoạn camera nhưng nay chị xin rút yêu cầu này, cũng không yêu cầu gì đối với số tiền đưa cho em chồng.

Việc anh Ph khai đưa chị 400.000.000đ là không có thật, chị không có nhận tiền của anh Ph, thực tế anh Ph không có tiền, cụ thể: khi cưới anh Ph không có tiền nên chị phải trả tiền mua 02 chiếc nhẫn cưới, sau khi cưới chị cũng phải tự trả tiền chụp hình cưới. Vì vậy anh Ph nói làm tích lũy đưa cho chị sau khi cưới là không có thật. Đối với yêu cầu chia nhà và quán, chị không đồng ý yêu cầu của anh Ph về việc chia 2/3 giá trị căn nhà và quán, vì cha mẹ chồng, bà nội cho tiền chị không biết, anh Ph cũng không nói gì với chị. Chị đồng ý trừ giá trị bức tường phía bắc vì khi vợ chồng chị xây tại thời điểm mẹ chồng chưa cho đất, và nhà vệ sinh phía sau anh Ph xây sau, còn sân và cổng ngõ là làm lúc xây nhà nên đề nghị tính vào tài sản chung để chia. Còn tiền ba mẹ chị cho chị mượn là tiền riêng của chị có trước khi cưới chị gửi ba mẹ chị, khi cần chị hỏi cha mẹ cho mượn lại để anh Ph có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra chị H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại các bản khai, biên bản công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Văn Ph trình bày:

Ông và bà Thái Thị H là cha mẹ ruột của H và là cha mẹ vợ của Nguyễn Thế Ph. Vào ngày 26/6/2017 anh Ph (con rể) có gọi điện thoại hỏi mượn tiền để vợ chồng chị H, anh Ph kinh doanh nên vợ chồng ông cho mượn 200.000.000đ, giao tiền cho chị H là con gái, lúc này anh Ph ở KomTum trông coi quán nên không trực tiếp chứng kiến, mục đích mượn là để xây cất quán, mua sắm vật chất của quán. Sau đó ngày 10/01/2018 anh Ph cũng điện thoại hỏi mượn tiếp 150.000.000đ để vợ chồng chị H, anh Ph mở rộng kinh doanh mua sắm máy internet, vợ chồng ông đồng ý giao tiền cho chị H, lúc này anh Ph cũng ở KomTum trông coi quán nên không chứng kiến. Các lần cho mượn tiền đều có bà Nguyễn Thị Hồng Ngh, trú tại: thôn Kim T, xã Phước H, huyện Tuy Ph, tỉnh Bình Định chứng kiến việc cho mượn.Nay các con ly hôn ông yêu cầu anh Ph phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông175.000.000đ. Còn phần của H thì vì đang nuôi con nhỏ nên ông không đòi. Đối với lời khai của con gái ôngthì ông đồng ý là tiền riêng của chị H, nhưng gửi vợ chồng ông thì vợ chồng ông tự chịu trách nhiệm với con gái mình, còn việc ôngcho mượn để vợ chồng H, Ph mở quán thì anh Ph phải trả cho ông bà ½ số nợ. Ngoài ra ông không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bà Trịnh Thị H:thống nhất theo lời khai và trình bày của chồng bà là ông Thái Văn P. Ngoài ra bà không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có lời khai và tại phiên tòa bà trình bày:

Bà là mẹ ruột của Nguyễn Thế Ph và là mẹ chồng của Thái Thị Thanh H. Hiện chị H và Ph con bà đang ly hôn tại Tòa án, việc ly hôn của các con thì do các con quyết định chứ bà không có ý kiến gì. Nhưng chị H khai trong thời gian Ph mở quán bi da ở nhà bà thì chị H đã đưa cho bà 70.000.000đ để trả tiền công cho em trai của Ph là Nguyễn Thế Ph và mỗi tháng đóng góp cho bà 2.000.000đ là không có căn cứ; vì bà không có nhận khoản tiền 70.000.000đ như chị H khai, hơn nữa nhà bà kinh doanh mua bán tạp hóa cũng đủ ăn và trang trải chứ không có nhận 2.000.000đ hàng tháng từ chị H.

Đối với nhà và đất hiện nay anh Ph đang ở và bán quán cà phê có nguồn gốc từ vợ chồng bà cho riêng con trai vào năm 2019, bà chỉ cho con trai chứ không cho con dâu, hiện nay đã tách sổ và Ph đã đăng ký giấy chứng nhận QSDĐ. Còn căn nhà hiện nay anh Ph đang ở và bán cà phê là do vợ chồng bà xây dựng vào tháng 6/2019 khoảng 120.000.000đ từ nguồn tiền của nhà nước cho mẹ chồng của bà là Lê Thị C 40.000.000đ và tiền của vợ chồng bà tích góp, khi cất nhà và xây quán chị H không ở cùng nên không biết. Nay chị H ly hôn đòi chia đôi nhà và quán này bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa chia nhà cho anh Ph 2 phần vì trong đó có phần đóng góp của vợ chồng bà, bà nội của Ph cho cũng như phần xây dựng bức tường phía bắc, nhà vệ sinh phía sau, sân cổng Ngõ. Phần của vợ chồng bà và bà nội cho Ph nên vợ chồng bà và bà C không có yêu cầu gì cho vợ chồng bà và bà C. Ngoài ra bà H không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thế Ph, do bà Nguyễn Thị H trình bày: Ông Ph là chồng của bà H, do bà Hiệp đại diện cũng có ý kiến thống nhất theo lời khai và trình bày của bà H.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C, do bà Nguyễn Thị H khai và trình bày: Bà C là mẹ chồng bà là bà nội của Ph nên cũng có ý kiến thống nhất theo lời khai và trình bày của cháu nội Nguyễn Thế Ph, ông P, bà H. Ngoài ra bà C không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thế Phụng vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các bản khai, biên bản đối chất anh Ph khai:

Anh không có liên quan gì đến vụ việc ly hôn của anh Ph với chị H và hoàn toàn cũng không làm thuê cho anh Ph, chị H. Anh chỉ giúp cho cha mẹ anh trông coi quán bi da, tiền thu từ quán bi da anh giao lại cho mẹ anh là bà H. Anh không có nhận số tiền 70.000.000đ từ mẹ của anh đưa. Vào khoản thời gian từ ngay 09/7/2018 đến 13/7/2018 anh không có lên quán của anh Ph ở KomTum chơi và cũng không có nhận khoản tiền 20.000.000đ từ anh Ph đưa. Ngoài ra anh Ph không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số:292/2022/HNGĐ-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Áp dụng: Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55, 58, 59, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 463, 466 BLDS, Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Ph và chị H.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Ph và chị H thống nhất giao con chung tên là Nguyễn Thái Ánh L, sinh ngày 10/10/2016, cho chị H tiếp tục nuôi nuôi dưỡng, con hiện đang ở cùng chị H. Về cấp dưỡng anh Ph tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10-2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3].Về quan hệ tài sản chung:

[3.1] Giao nhà và quán cà phê thuộc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 42 tọa lạc Thôn Tư C, Phước Th cho anh Nguyễn Thế Ph được quyền sở hữu, anh Ph có nghĩa vụ phải thối lại cho chị H 97.128.000đ (Chín mươi bảy triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Đình chỉ yêu cầu của chị H về việc chia thửa đất số 173, tờ bản đồ số 42 tọa lạcThôn Tư C, Phước Th và về việc yêu cầu chia số tiền 70.000.000đ mà chị H đã đưa cho anh Ph.

Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Thế Ph về việc yêu cầu chia 130.000.000đ tiền sang quán tại KomTum và 127.000.000đ tiền bán vàng cưới.

[3.2] Về nợ chung:Buộc anh Nguyễn Thế Ph phải trả cho vợ chồng ông Thái Văn Ph, bà Trịnh Thị H số tiền 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên vềchi phí xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí, tuyên quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày22/9/2022,nguyên đơn anh Nguyễn Thế Ph kháng cáo về phần nợ chung buộc anh phải trả cho vợ chồng ông Thái Văn Ph, bà Trịnh Thị H 175.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thế Phướcgiữ nguyên kháng cáo không đồng ý với quyết định về phần nợ chung 350.000.000đ mà chị H mượn cha mẹ ruột là ông Thái Văn Ph và bà Trịnh Thị H theo 02 giấy mượn ngày 26/6/2017 và ngày 10-01-2018, buộc anh phải trả cho vợ chồng ông Ph, bà H ½ số nợ là 175.000.000đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ

kháng cáo của anh Nguyễn Thế Ph, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số:292/2022HNGĐ-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thế Ph, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hai giấy mượn tiền ngày26/6/2017 và ngày 10/01/2018 đều không có chữ ký của anh Nguyễn Thế Ph. Ông Thái Văn Ph, bà Trịnh Thị H và chị Thái Thị Thanh H không có chứng cứ chứng minh về việc anh Nguyễn Thế Ph gọi điện hỏi mượn tiền ông Ph, bà H. Tuy nhiên, tại phiên Tòa anh Phước thừa nhận: trong thời gian đầu tư quán cà phê-bi da ở KomTum, chị H nhiều lần chuyển tiền cho anh tổng cộng 425.539.000đ để đầu tư mở quán. Còn chị Nguyễn Thị Ngh khai: chị là người cho vợ chồng ông Ph bà H mượn 350.000.000đ vào các ngày 26/6/2017 và ngày 10/01/2018 để ông Ph bà H cho vợ chồng chị H mượn lại nên biết ký làm chứng tại hai giấy mượn tiền nêu trên. Nay, ông Ph bà H đã trả xong, nên giấy mượn tiền giữa chị và ông Ph bà H không còn. Anh Ph nại: chị H chuyển cho anh 425.539.000đ để đầu tư mở quán là tiền riêng của anh có trước khi cưới vợ, đưa chị H, nên tài sản chung của vợ chồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được chị H thừa nhận. Mặc khác, anh Ph cũng nại rằng vàng cưới của vợ chồng quy ra tiền là 127.000.000đ do chị H quản lý, nhưng số tiền chị H đã chuyển cho anh Ph để đầu tư quán cà phê-bi da ở KomTum nhiều hơn số tiền chị đã mượn ông Ph bà H và cũng nhiều hơn số tiền của vợ chồng chị có từ vàng cưới. Cho nên, có cơ sở xác định chị H có mượn tiền của cha mẹ ruột là ông Ph bà H chuyển cho anh Ph đầu tư quáncà phê-bi da ở KomTum. Tại phiên Tòa Phúc thẩm: Chị H khai do anh Ph đầu tư thiếu tiền nên chị hỏi cha mẹ cho vợ chồng chị mượn, trong số tiền 350.000.000đ cha mẹ cho mượn, có 55.000.000đ là tiền riêng của chị có trước khi cưới chị gửi cha mẹ giữ, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh là số tiền có từ trước hôn nhân. Mặc khác, mục đích chị Phước chuyển tiền để cho anh Phước đầu tư quán cà phê-bi da chung của vợ chồng, nên được coi là tài sản chung. Vì vậy, anh Ph chị H mỗi người có nghĩa vụ trả ½ khoản nợ chung này sau khi trừ đi 55.000.000đ chị H gửi cho ông Ph bà H giữ chuyển thành tài sản chung(nếu ông Ph bà H yêu cầu chị H).

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Thế Ph. Sửa quyết định về phần nợ chung của bản án sơ thẩm số 292/2022/HNGĐ-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Nguyễn Thế Ph được chấp nhận một phần nên anh Ph không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59, của Luật hôn nhân và gia đình ; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 ngày 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn anh Nguyễn Thế Ph. Sửa quyết định phần nợ chung của bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 292/2022/HNGĐ-ST ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

1. Về nợ chung: Anh Nguyễn Thế Ph có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Thái Văn Ph, bà Trịnh Thị H số tiền 147.500.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu năm tram nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thế Ph phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con; anh Ph phải chịu 7.278.000đ, chị Thái Thị Thanh H chịu 4.856.000đ án phí chia tài sản; anh Ph phải chịu 7.375.000đồng(Bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí trả nợ chung. Anh Ph đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ, được khầu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Ph đã nộp theo biên lai thu số 0003283 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án sân sự huyện Tuy Phước, nên anh Ph còn phải nộp 14.953.000đ. Chị H đã nộp tạm ứng 5.695.000đ theo biên lai thu số 0003359 ngày 03/01/2020, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí, nên trả lại cho chị Thái Thị Thanh H 839.000đồng/

2.1 Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Thế Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại anh Ph 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng)đã nộp theo biên lai số thu tiền số 0006355 ngày 05/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh BìnhĐịnh;
-Các đương sự;
-Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
-TAND huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NguyễnVăn Hiệp